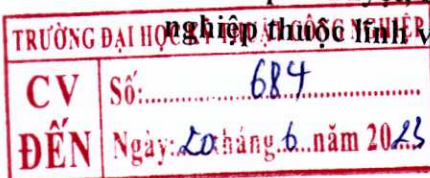


QUYẾT ĐỊNH

V/v phê duyệt, ban hành Tiêu chuẩn định mức sử dụng điện tích công trình sự nghiệp thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo của Trường Đại học Kỹ thuật công nghiệp - Đại học Thái Nguyên



GIÁM ĐỐC ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14/6/2019 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIV;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19/11/2018;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 ngày 21/6/2017 của Quốc Hội khóa 14;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 31/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ về việc quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 152/2017/NĐ-CP, ngày 27/12/2017 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc, hoạt động sự nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 của Chính phủ về việc quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 31/CP ngày 4/4/1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Thông tư số 10/2020/TT - BGDĐT ngày 14/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Thông tư số 03/2020/TT-BGDĐT ngày 10/02/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc quy định chi tiết hướng dẫn về tiêu chuẩn, định mức sử dụng điện tích công trình sự nghiệp thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Văn bản số 2148/BGDĐT-CSVC của Bộ Giáo dục và Đào tạo ngày 15/5/2023 về việc tiêu chuẩn, định mức sử dụng điện tích công trình sự nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 2011/QĐ-ĐHTN ngày 16/5/2023 về việc thành lập hội đồng thẩm định tiêu chuẩn định mức sử dụng điện tích công trình sự nghiệp, máy móc thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực giáo dục, đào tạo của Đại học Thái Nguyên;



Căn cứ Nghị quyết số 05/NQ-HĐT ngày 12/11/2020 của Hội đồng Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp – Đại học Thái Nguyên ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Kỹ thuật công nghiệp;

Căn cứ định hướng phát triển của Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp;

Căn cứ Tờ trình số 368/TTr-ĐHKTCN ngày 19/5/2023 của Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp về việc xin thẩm định hồ sơ tiêu chuẩn, định mức diện tích công trình sự nghiệp thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo của Trường Đại học Kỹ thuật công nghiệp - Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Hồ sơ trình thẩm định và phê duyệt tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích công trình sự nghiệp thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo của Trường Đại học Kỹ thuật công nghiệp - Đại học Thái Nguyên (Kèm theo Tờ trình số 368/TTr-ĐHKTCN ngày 19/5/2023);

Căn Cứ Báo cáo kết quả thẩm định Tiêu chuẩn định mức sử dụng diện tích công trình sự nghiệp thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo của Trường Đại học Kỹ thuật công nghiệp - Đại học Thái Nguyên của Hội đồng thẩm định ngày 25/5/2023;

Xét đề nghị của Ban Cơ sở vật chất về việc xin phê duyệt, ban hành Tiêu chuẩn định mức sử dụng diện tích công trình sự nghiệp thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo của Trường Đại học Kỹ thuật công nghiệp - Đại học Thái Nguyên.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Phê duyệt, ban hành Tiêu chuẩn định mức sử dụng diện tích công trình sự nghiệp thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo của Trường Đại học Kỹ thuật công nghiệp - Đại học Thái Nguyên (Kèm theo Phụ lục).

Điều 2: Trường Đại học Kỹ thuật công nghiệp căn cứ theo tiêu chuẩn, định mức được duyệt để lập kế hoạch và dự toán ngân sách; giao, đầu tư xây dựng, mua sắm, thuê công trình sự nghiệp; quản lý, sử dụng các công trình sự nghiệp theo quy định hiện hành của pháp luật có liên quan; Hướng dẫn các đơn vị có liên quan kịp thời rà soát báo cáo và đề xuất trình cấp có thẩm quyền quyết định việc sửa đổi, điều chỉnh, bổ sung tiêu chuẩn định mức sử dụng cho phù hợp với chiến lược, định hướng phát triển của nhà trường trong các giai đoạn tiếp theo.

Điều 3: Các ông Chánh Văn phòng, Trưởng ban Ban Cơ sở vật chất, Trưởng ban Ban Kế hoạch Tài chính Đại học Thái Nguyên, Hiệu trưởng Trường Đại học Kỹ thuật công nghiệp và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận 

- Bộ GD&ĐT (để b/c);
- ĐU, HĐ ĐHTN (để b/c);
- Ban Giám đốc;
- Như Điều 3;
- Lưu VP: Ban CSVC; KHTC.



PGS. TS. Hoàng Văn Hùng

PHỤ LỤC

Tiêu chuẩn định mức sử dụng diện tích công trình sự nghiệp thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo của Trường Đại học Kỹ thuật công nghiệp - Đại học Thái Nguyên

(Kèm theo Quyết định số: 2256/QĐ-ĐHTN ngày 26/5/2023 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên)

STT	Diện tích chuyên dùng	Đơn vị theo số lượng	Số lượng	Diện tích tính toán và đề xuất (m ²)	Tổng diện tích (m ²)	Định mức diện tích áp dụng K (m ²)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6=4*5	7	8
1	Hội trường từ 250 chỗ trở lên				3.240		
1.1	Hội trường 300 chỗ có bàn viết	Hội trường	1	540	540	1,8	
1.2	Hội trường 500 chỗ có bàn viết	Hội trường	1	900	900	1,8	
1.3	Hội trường 1.000 chỗ có bàn viết	Hội trường	1	1.800	1.800	1,8	
2	Giảng đường				7.065,89		
2.1	Giảng đường có quy mô 200 chỗ	Giảng đường	2	220	440	1,1	
2.2	Giảng đường có quy mô 150 chỗ	Giảng đường	10	165	1.650	1,1	
2.3	Phòng học thông thường từ 25 đến dưới 75 chỗ	Toàn bộ	1	4.975,89	4.975,89	1,5	
3	Phòng thí nghiệm, phòng thực hành, xưởng thực hành				3.881,8		



3.1	Phòng thí nghiệm, phòng thực hành, xưởng thực hành	Toàn bộ	1	3.881,8	3.881,8	4,0	
4	Thư viện				25.618		
4.1	Thư viện	Toàn bộ	1	25.618	25.618	2,5	
5	Ký túc xá				39.564		
5.1	Ký túc xá	Toàn bộ	1	39.564	39.564	4,0	
6	Khu hoạt động thể chất				15.751		
6.1	Các môn thể thao				12.811		
6.1.1	Sân Bóng rổ	Sân	2	420	840		28m x 15m (Dài x rộng)
6.1.2	Sân Bóng chuyền	Sân	6	162	972		18m x 9m (Dài x rộng)
6.1.3	Sân Tennis	Sân	2	261	522		23,77m x 10,97m (Dài x rộng)
6.1.4	Sân Bóng đá	Sân	1	7.000	7.000		100m x 70m (Dài x rộng)
6.1.5	Sân Bóng đá sân nhỏ - mini	Sân	2	1.050	2.100		42m x 25m (Dài x rộng)
6.1.6	Sân Cầu lông	Sân	4	81,7	327		13,4m x 6,1m (Dài x rộng)
6.1.7	Bể bơi ngoài	Bể bơi	1	1.050	1.050		50m x 21m

	trời						(Dài x rộng)
6.2	Nhà thể thao đa năng				2.400		
6.2.1	Nhà thể thao đa năng	Công trình	1	2.400	2.400		60m x 40m (Dài x rộng)
6.3	Nhà thể thao cán bộ				540		
6.3.1	Nhà thể thao cán bộ	Công trình	1	540	540		30m x 18m (Dài x rộng)
7	Diện tích làm việc của Giáo sư, phó giáo sư, giảng viên chính, giảng viên				4.600		
7.1	Diện tích làm việc của phó giáo sư	Toàn bộ	1	600	600		15m ² /phó giáo sư
7.2	Diện tích làm việc của giảng viên chính, giảng viên	Toàn bộ	1	4.000	4.000		10m ² /giảng viên
8	Phòng chờ cho giảng viên				1.200		
8.1	Phòng chờ cho giảng viên	Toàn bộ	1	1.200	1.200		3m ² /giảng viên và các phòng đều trên có diện tích 24 m ²
9	Khu dịch vụ tổng hợp				8.077		
9.1	Khu dịch vụ tổng hợp	Toàn bộ	1	8.077	8.077	0,7	



10	Trạm Y tế				300		
10.1	Trạm Y tế	Toàn bộ	1	300	300		
11	Nhà để xe				33.243		
11.1	Nhà để xe	Toàn bộ	1	33.243	33.243		
12	Nhà vệ sinh						

Diện tích nhà vệ sinh được xây dựng theo hồ sơ thiết kế đảm bảo theo các chỉ dẫn chi tiết của Thông tư số 03/2020/TT-BGDĐT ngày 10/02/2020 và các quy định của pháp luật tại thời điểm.